



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 151/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên.

Điều 2. Người nộp phí

1. Cá nhân đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên phải nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên đối với nội dung tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên theo quy định tại Thông tư này.

2. Cá nhân đề nghị bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại Thừa hành viên phải nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên đối với bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại Thừa hành viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí là cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên, bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại Thừa hành viên theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật về Thừa hành viên.

Điều 4. Mức thu phí

Mức thu phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa hành viên được quy định như sau:

1. Đối với nội dung tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên: 2.700.000 đồng/hồ sơ.
2. Đối với bổ nhiệm Thừa hành viên: 800.000 đồng/hồ sơ.
3. Đối với bổ nhiệm lại Thừa hành viên: 500.000 đồng/hồ sơ.

Điều 5. Khai, thu, nộp và quyết toán phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo một trong các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí. Nguồn kinh phí để trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thu phí thực hiện khai, thu, nộp phí và quyết toán số tiền phí thu được theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2026.

2. Các Thông tư sau hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 223/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực thừa phát lại;

b) Thông tư số 05/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc khai, thu, nộp, công khai chế độ thu phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành; Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; Nghị định

số 347/2025/NĐ-CP quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

4. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (160b). *fr*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn